



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 20:2019/BKHCN

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ THÉP KHÔNG GỈ**

National technical regulation on stainless steel

HÀ NỘI - 2019

Lời nói đầu

QCVN 20:2019/BKHCN do *Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép không gỉ* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 15 /2019/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ THÉP KHÔNG GỈ

National technical regulation on stainless steel

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định mức giới hạn của thành phần các nguyên tố hóa học đối với thép không gỉ và các yêu cầu quản lý chất lượng đối với thép không gỉ sản xuất trong nước, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường.

Danh mục thép không gỉ và mã HS tương ứng nêu tại Phụ lục kèm theo Quy chuẩn kỹ thuật này.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thép không gỉ, các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn kỹ thuật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Thép không gỉ: Thép có hàm lượng crom không thấp hơn 10,5 % (theo khối lượng) và có hàm lượng cacbon không lớn hơn 1,2 % (theo khối lượng).

1.3.2. Lô sản phẩm: Thép không gỉ cùng mác, cùng kích thước danh nghĩa (không tính đến chiều dài), được sản xuất cùng một đợt, trên cùng một dây chuyền công nghệ.

1.3.3. Lô hàng hoá: Thép không gỉ cùng mác, cùng kích thước danh nghĩa (không tính đến chiều dài), cùng nhà sản xuất hoặc do một tổ chức, cá nhân nhập khẩu cùng bộ hồ sơ hoặc kinh doanh tại cùng một địa điểm.

1.3.4. Tiêu chuẩn ASTM: Tiêu chuẩn của Hiệp hội vật liệu và thử nghiệm Mỹ (American Society for Testing and Materials).

1.3.5. Tiêu chuẩn SAE: Tiêu chuẩn của Hiệp hội kỹ sư ô tô Mỹ (American Society of Automotive Engineers).

2. YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG PHÁP THỬ

Thép không gỉ quy định tại Phụ lục của Quy chuẩn kỹ thuật này phải đảm bảo phù hợp với các yêu cầu sau:

2.1. Thép không gỉ sản xuất trong nước, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường được đánh giá phù hợp theo Quy chuẩn kỹ thuật này phải có thành phần hóa học phù hợp với yêu cầu của mác thép trong tiêu chuẩn công bố. Trong đó, hàm lượng crom không thấp hơn 10,5 % (theo khối lượng) và hàm lượng cacbon không lớn hơn 1,2 % (theo khối lượng).

Tiêu chuẩn công bố áp dụng phải là tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc gia nước ngoài, tiêu chuẩn ASTM, tiêu chuẩn SAE.

2.2. Kết quả thử nghiệm mẫu chỉ được coi là phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng nếu các nguyên tố trong kết quả thử nghiệm thành phần hóa học của mẫu nằm trong giới hạn về sai lệch cho phép trong các tiêu chuẩn công bố.

2.3. Các yêu cầu về phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm mẫu đối với thép không gỉ sản xuất trong nước, nhập khẩu khi đánh giá phù hợp theo Quy chuẩn kỹ thuật này cần tuân thủ theo quy định tương ứng của tiêu chuẩn công bố. Trong trường hợp tiêu chuẩn công bố không quy định phương pháp thử thì được sử dụng phương pháp thử trong các tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc gia nước ngoài, tiêu chuẩn ASTM, tiêu chuẩn SAE.

3. YÊU CẦU VỀ GHI NHÃN

Việc ghi nhãn hàng hóa phải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và các quy định hiện hành liên quan đến xuất xứ hàng hóa.

Nhãn của thép không gỉ phải được ghi một cách rõ ràng, dễ đọc, không thể tẩy xóa bằng tay, được ghi/gắn/buộc trên bó, cuộn, tấm, thanh và phải đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

- Tên hàng hóa.
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa (cơ sở sản xuất/ tổ chức, cá nhân nhập khẩu).
- Xuất xứ hàng hóa.
- Định lượng (khối/ số lượng).

- Kích thước danh nghĩa, mác thép, tiêu chuẩn công bố áp dụng.

4. YÊU CẦU QUẢN LÝ

4.1. Thép không gỉ sản xuất trong nước phải thực hiện việc công bố hợp quy phù hợp quy định kỹ thuật tại Mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật này, gắn dấu hợp quy (dấu CR) và có nhãn phù hợp với quy định tại Mục 3 của Quy chuẩn kỹ thuật này trước khi lưu thông trên thị trường.

Việc công bố hợp quy thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật (sau đây viết tắt là Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN) và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN).

Căn cứ để công bố hợp quy là kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định tại Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp (sau đây viết tắt là Nghị định số 107/2016/NĐ-CP), Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành (sau đây viết tắt là Nghị định số 154/2018/NĐ-CP) hoặc được thừa nhận theo quy định của Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN ngày 31/10/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc ký kết và thực hiện các Hiệp định và thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp (sau đây viết tắt là Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN).

4.2. Thép không gỉ nhập khẩu phải được kiểm tra nhà nước về chất lượng phù hợp với các quy định tại Mục 2, được gắn dấu hợp quy (dấu CR) và có nhãn phù hợp với các quy định tại Mục 3 của Quy chuẩn kỹ thuật này trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

Việc kiểm tra chất lượng thép không gỉ nhập khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 2b Điều 7 của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa) và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11